

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN
Ngày Thi: 14/9/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB9165	Nguyễn Thị Hồng	An	18/10/2004	Đồng Tháp	7,0	8,0	Đạt	
2	BKCB9166	Nguyễn Đức	Anh	15/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,33	Đạt	
3	BKCB9167	Nguyễn Mai	Anh	25/07/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	8,67	9,33	Đạt	
4	BKCB9168	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	13/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,0	Đạt	
5	BKCB9169	Nguyễn Thị Phương	Anh	14/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,5	Đạt	
6	BKCB9170	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	04/10/2004	Bến Tre	7,0	8,5	Đạt	
7	BKCB9171	Nguyễn Thái	Bảo	10/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	5,83	Đạt	
8	BKCB9172	Lê Thanh	Bình	23/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	3,67	Không đạt	
9	BKCB9173	Phạm Nguyễn Thoại	Các	21/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,5	Đạt	
10	BKCB9174	Nguyễn Bảo	Châu	14/03/2004	Đồng Nai	10,0	8,83	Đạt	
11	BKCB9175	Dương Thị Linh	Chi	10/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,0	Đạt	
12	BKCB9176	Lý Vũ Minh	Chi	13/01/1998	Bình Thuận	10,0	9,33	Đạt	
13	BKCB9177	Nguyễn Hữu	Chức	27/03/2006	Đồng Tháp	9,33	8,17	Đạt	
14	BKCB9178	Nguyễn Tiến	Đạt	05/12/2004	Đồng Nai	4,33	0,0	Không đạt	
15	BKCB9179	Lê Kiều	Diễm	19/12/2004	Quảng Ngãi	7,33	5,0	Đạt	
16	BKCB9180	Trần Huỳnh Kiều	Diễm	07/09/1999	Gia Lai	7,33	6,17	Đạt	
17	BKCB9181	Nguyễn Ngọc	Điểm	15/11/1975	Kiên Giang				Vắng
18	BKCB9182	Đỗ Thị	Diệu	14/01/2006	Gia Lai	8,67	8,83	Đạt	
19	BKCB9183	Hồ Ngọc Phương	Doanh	27/08/2006	Vĩnh Long	7,0	8,0	Đạt	
20	BKCB9184	Hán Nguyễn Mĩ	Dung	31/10/2004	Lâm Đồng	9,0	6,67	Đạt	
21	BKCB9185	Ngô Thuỳ	Dương	18/06/2002	Kiên Giang				Vắng
22	BKCB9186	Ngô Lâm Quang	Duy	03/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9,33	Đạt	
23	BKCB9187	Nguyễn Hoàng	Duy	11/07/2002	Long An	8,67	8,0	Đạt	
24	BKCB9188	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	08/09/2001	Gia Lai	8,33	6,67	Đạt	
25	BKCB9189	Phan Thu	Hà	07/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,67	Đạt	
26	BKCB9190	Lý Thị Thu	Hà	16/01/2001	Lâm Đồng	8,33	9,5	Đạt	
27	BKCB9191	Lê Thu	Hải	16/03/2001	Hải Phòng	8,0	7,83	Đạt	
28	BKCB9192	Phạm Nguyệt	Hằng	22/07/2002	Đồng Tháp	10,0	9,0	Đạt	
29	BKCB9193	Trần Thị	Hào	17/07/2002	Bình Phước	3,67	0,0	Không đạt	Không TH
30	BKCB9194	Bùi Nguyễn Thu	Hiền	12/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	7,0	Đạt	
31	BKCB9195	Nguyễn Hoàng Khả	Hùng	01/11/1999	Đồng Nai				Vắng
32	BKCB9196	Lý Quang	Hưng	30/06/1999	Gia Lai	6,33	5,0	Đạt	
33	BKCB9197	Nguyễn Thị Thanh	Hương	26/03/1993	Lâm Đồng	9,33	9,5	Đạt	
34	BKCB9198	Phan Thị Thu	Hương	11/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
35	BKCB9199	Trần Thị Mỹ	Hương	17/03/2002	Bình Định	7,67	7,67	Đạt	
36	BKCB9200	Vũ Thị Thu	Hương	09/06/2002	Gia Lai	9,67	9,67	Đạt	
37	BKCB9201	Nguyễn Thị Như	Huyền	14/08/2006	Tiền Giang	7,67	7,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
38	BKCB9202	Huỳnh Thị Trúc	Huỳnh	01/05/2006	Vĩnh Long	7,67	7,0	Đạt	
39	BKCB9203	Trần Quang	Khang	09/02/1999	Gia Lai	7,0	5,67	Đạt	
40	BKCB9204	Ngô Đăng	Khoa	29/08/2002	Lâm Đồng	6,0	6,83	Đạt	
41	BKCB9205	Nguyễn Khải	Khoa	15/10/2004	Bạc Liêu	7,67	5,0	Đạt	
42	BKCB9206	Phan Cao	Khôi	26/09/2005	Quảng Bình	9,33	8,33	Đạt	
43	BKCB9207	Vũ Thiên	Khôi	08/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,33	Đạt	
44	BKCB9208	Thái Quốc	Kiên	16/02/1996	Gia Lai	7,67	6,67	Đạt	
45	BKCB9209	Phạm Tuấn	Kiệt	08/07/2003	Bình Định	6,0	5,67	Đạt	
46	BKCB9210	Đặng Quỳnh	Kim	10/11/2004	Gia Lai	7,67	8,0	Đạt	
47	BKCB9211	Nguyễn Ngọc Tường	Lam	12/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
48	BKCB9212	Trịnh Thị Thanh	Liên	09/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	5,67	Đạt	
49	BKCB9213	Mạch Tiểu	Linh	10/01/2005	Thành Phố Hồ Chí Minh	8,67	5,83	Đạt	
50	BKCB9214	Trần Thị Ngọc	Linh	25/01/2005	Nghệ An				Vắng
51	BKCB9215	Trần Thị Trúc	Linh	26/06/2003	Đồng Nai	7,0	6,0	Đạt	
52	BKCB9216	Đoàn Tấn	Lộc	01/07/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	9,33	7,0	Đạt	
53	BKCB9217	Nguyễn Tấn	Lộc	18/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,0	Đạt	
54	BKCB9218	Trần Võ Thanh	Mai	30/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,33	Đạt	
55	BKCB9219	Diệp Hải	Minh	10/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,83	Đạt	
56	BKCB9220	Nguyễn Đình Khánh	Minh	02/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,0	Đạt	
57	BKCB9221	Nguyễn Ngọc	Mỹ	22/12/1999	Tiền Giang	9,67	6,33	Đạt	
58	BKCB9222	Đinh Thị Kiều	Ngân	24/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt	
59	BKCB9223	Dương Thanh	Ngân	14/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,17	Đạt	
60	BKCB9224	Lâm Đồng Song	Ngân	05/07/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,67	Đạt	
61	BKCB9225	Võ Thị Bảo	Ngân	14/06/2003	Ninh Thuận	7,33	7,33	Đạt	
62	BKCB9226	Lý Kim	Ngân	21/12/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh				Vắng
63	BKCB9227	Hoàng Thị Vân	Nghi	23/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,0	Đạt	
64	BKCB9228	Bùi Trọng	Nghĩa	08/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,33	Đạt	
65	BKCB9229	Mai Ánh	Ngọc	18/11/2003	Bắc Ninh	9,33	9,5	Đạt	
66	BKCB9230	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	01/11/1999	Ninh Bình	10,0	9,83	Đạt	
67	BKCB9231	Trần Kim	Ngọc	22/07/1997	Bình Dương	9,0	9,5	Đạt	
68	BKCB9232	Trần Thị Kim	Ngọc	27/09/2004	Đồng Tháp	7,67	8,5	Đạt	
69	BKCB9233	Vòng Vân	Ngọc	16/12/1999	Lâm Đồng	9,67	9,0	Đạt	
70	BKCB9234	Huỳnh Trung	Nguyên	05/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,0	Đạt	
71	BKCB9235	Ngô Võ Minh	Nguyên	19/06/2004	Bình Thuận	8,33	7,83	Đạt	
72	BKCB9236	Bùi Trọng	Nhân	25/02/2004	Tiền Giang	9,67	2,0	Không đạt	
73	BKCB9237	Lê Trọng	Nhân	31/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,0	Đạt	
74	BKCB9238	Trần Thiện	Nhân	16/12/2006	Đồng Nai				Vắng
75	BKCB9239	Huỳnh Anh	Nhật	10/04/2006	Tiền Giang	7,67	7,33	Đạt	
76	BKCB9240	Lê Đăng Thụy	Nhi	28/03/2005	An Giang	10,0	6,67	Đạt	
77	BKCB9241	Ngô Yến	Nhi	26/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	7,0	Đạt	
78	BKCB9242	Trần Thị Yến	Nhi	07/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,5	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
79	BKCB9243	Lê Thị Huỳnh	Như	03/11/2002	An Giang				Vắng
80	BKCB9244	Vũ Thị Quỳnh	Như	17/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,33	Đạt	
81	BKCB9245	Trần Thị Hoàng	Oanh	01/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
82	BKCB9246	Trần Thị Kiều	Oanh	16/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,33	Đạt	
83	BKCB9247	Nguyễn Thùy Kim	Oanh	09/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	7,33	Đạt	
84	BKCB9248	Huỳnh Nhật	Phát	07/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,33	Đạt	
85	BKCB9249	Nguyễn Cao Thịnh	Phát	12/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	6,17	Đạt	
86	BKCB9250	Lê Minh	Phú	30/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,17	Đạt	
87	BKCB9251	Nguyễn Đức Thiên	Phú	18/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,33	Đạt	
88	BKCB9252	Nguyễn Hoàng	Phúc	26/11/2002	Long An	9,33	7,0	Đạt	
89	BKCB9253	Nguyễn Phú Thiên	Phúc	19/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,33	Đạt	
90	BKCB9254	Trần Kim	Phụng	13/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,0	Đạt	
91	BKCB9255	Hồ Sâm Hữu	Phước	21/06/2014	Thành phố Hồ Chí Minh	3,33	5,33	Không đạt	
92	BKCB9256	Cao Nam	Phương	08/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,0	Đạt	
93	BKCB9257	Mai Thị	Phương	24/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,67	Đạt	
94	BKCB9258	Nguyễn Thị Hoài	Phương	24/09/1997	Bình Phước	9,0	9,17	Đạt	
95	BKCB9259	Nguyễn Thị Lan	Phương	25/09/2000	Đồng Nai	8,67	4,33	Không đạt	
96	BKCB9260	Đào Quang	Quý	17/05/2004	Tây Ninh	8,67	6,33	Đạt	
97	BKCB9261	Bùi Thị Khánh	Quỳnh	20/09/2004	Nam Định	8,33	8,0	Đạt	
98	BKCB9262	Cao Dương Diễm	Quỳnh	29/09/1999	Phú Yên	9,0	9,33	Đạt	
99	BKCB9263	Hoàng Ngọc Thanh	Tâm	07/06/2003	Lâm Đồng	9,0	8,5	Đạt	
100	BKCB9264	Lý Hiệp	Thành	14/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,67	Đạt	
101	BKCB9265	Phan Minh	Thành	28/01/1998	Đồng Nai	10,0	9,33	Đạt	
102	BKCB9266	Bùi Huỳnh Mai	Thảo	01/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,5	Đạt	
103	BKCB9267	Trần Thanh	Thảo	30/05/1999	Đồng Nai	9,67	8,67	Đạt	
104	BKCB9268	Vũ Thị	Thảo	12/02/1995	Long An	9,33	7,67	Đạt	
105	BKCB9269	Nguyễn Thị Hoài	Thị	19/07/1999	Long An				Vắng
106	BKCB9270	Tôn Minh	Thiện	07/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	8,67	Đạt	
107	BKCB9271	Lê Anh	Thơ	16/09/2003	Vĩnh Long	10,0	9,5	Đạt	
108	BKCB9272	Lâm Nguyễn Anh	Thư	18/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,83	Đạt	
109	BKCB9273	Nguyễn Phương	Thư	17/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	9,5	Đạt	
110	BKCB9274	Đỗ Trịnh Thanh	Thùy	30/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,5	Đạt	
111	BKCB9275	Cao Thị Thu	Thùy	16/01/2004	Quảng Ngãi	7,67	5,0	Đạt	
112	BKCB9276	Đặng Ngọc Quế	Thy	25/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	7,83	Đạt	
113	BKCB9277	Đào Văn	Thy	02/02/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,33	Đạt	
114	BKCB9278	Nguyễn Thị Hoàng	Thy	29/01/2003	Vĩnh Long	10,0	9,33	Đạt	
115	BKCB9279	Lê Trần Phương	Thy	11/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,33	Đạt	
116	BKCB9280	Đào Duy	Tiến	13/08/2001	Gia Lai	6,67	8,0	Đạt	
117	BKCB9281	Lâm Ngọc	Trân	28/10/2004	Quảng Nam	7,33	7,67	Đạt	
118	BKCB9282	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trân	25/04/1998	Bạc Liêu	9,33	9,0	Đạt	
119	BKCB9283	Thái Minh	Trí	06/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	9,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
120	BKCB9284	Nguyễn Bảo	Triết	05/06/2003	Quảng Ngãi	7,33	6,17	Đạt	
121	BKCB9285	Phạm Thanh	Trúc	23/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	6,0	Đạt	
122	BKCB9286	Nguyễn Quốc	Trường	21/06/2000	Long An	9,67	9,33	Đạt	
123	BKCB9287	Đinh Châu	Tuấn	31/01/1997	Đắk Lắk	8,0	6,0	Đạt	
124	BKCB9288	Trần Bích	Tuyền	02/05/1998	Trà Vinh	6,33	7,67	Đạt	
125	BKCB9289	Lê Thị Phương	Uyên	02/10/2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	5,33	6,33	Đạt	
126	BKCB9290	Đồng Thị Như	Vân	04/10/1998	Quảng Ngãi	7,0	6,67	Đạt	
127	BKCB9291	Nguyễn Bích	Vân	13/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	6,0	Đạt	
128	BKCB9292	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	30/01/2005	Đồng Nai	9,67	9,0	Đạt	
129	BKCB9293	Nguyễn Ngọc Trường	Vĩ	25/01/2006	Đồng Tháp	9,67	9,0	Đạt	
130	BKCB9294	Đỗ Quang	Việt	03/10/2003	Hà Nội	9,0	8,0	Đạt	
131	BKCB9295	Bùi Hữu	Vinh	12/06/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	9,0	8,83	Đạt	
132	BKCB9296	Nguyễn Quang	Vinh	08/06/2006	Tiền Giang	7,67	6,0	Đạt	
133	BKCB9297	Nguyễn Thị Thu	Vương	29/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
134	BKCB9298	Lê Dương Triệu	Vy	23/04/2000	Ninh Thuận	8,33	8,5	Đạt	
135	BKCB9299	Nguyễn Phạm Quyên	Vy	16/12/2004	Đồng Nai	10,0	9,67	Đạt	
136	BKCB9300	Nguyễn Phương	Vy	30/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	8,17	Đạt	
137	BKCB9301	Nguyễn Thoại Yển	Vy	17/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,17	Đạt	
138	BKCB9302	Nguyễn Thụy Phước	Vy	15/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	5,83	Đạt	
139	BKCB9303	Trần Ngọc Phúc	An	31/10/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu				Vắng
140	BKCB9304	Phạm Thị Quỳnh	Anh	18/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	7,83	Đạt	
141	BKCB9305	Nguyễn Thụy Ngọc	Cẩm	16/09/2003	Long An	8,0	8,0	Đạt	
142	BKCB9306	Nguyễn Thị Thu	Cúc	22/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,17	Đạt	
143	BKCB9307	Du Nguyễn Quốc	Dũng	09/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
144	BKCB9308	Lương Thị Kiên	Giang	02/12/2002	Đắk Lắk	6,0	7,67	Đạt	
145	BKCB9309	Giang Thị Hồng	Hạnh	15/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	5,33	Đạt	
146	BKCB9310	Phạm Thu	Hiền	03/08/2011	Tiền Giang	10,0	7,0	Đạt	
147	BKCB9311	Nguyễn Trung	Hiếu	19/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	6,17	Đạt	
148	BKCB9312	Lê Văn	Hùng	09/10/2003	Thanh Hóa	5,0	4,0	Không đạt	
149	BKCB9313	Nguyễn Ngọc	Khánh	03/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
150	BKCB9314	Nhan Trọng	Khoa	30/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
151	BKCB9315	Trần Lê Đăng	Khoa	07/10/2005	Đồng Tháp	7,33	8,83	Đạt	
152	BKCB9316	Phạm Anh	Kiệt	02/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	3,67	0,0	Không đạt	
153	BKCB9317	Nguyễn Hoàng	Linh	14/03/2006	Gia lai	7,33	4,33	Không đạt	
154	BKCB9318	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	24/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
155	BKCB9319	Nguyễn Thị Diễm	My	07/04/2005	Thừa Thiên Huế	9,33	8,67	Đạt	
156	BKCB9320	Lê Bảo	Nam	04/08/2012	Tiền Giang	7,33	9,0	Đạt	
157	BKCB9321	Nguyễn Hạnh	Nguyên	10/02/2013	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,17	Đạt	
158	BKCB9322	Trần Trọng	Nguyễn	09/05/2006	Kiên Giang				Vắng
159	BKCB9323	Lê Huỳnh Tuyết	Nhi	10/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	4,33	0,0	Không đạt	
160	BKCB9324	Lê Minh	Nhật	25/03/2006	Trà Vinh				Vắng

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
161	BKCB9325	Đoàn Trọng	Phú	30/11/2006	Long An	7,33	9,0	Đạt	
162	BKCB9326	Phan Thái	Son	08/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	8,33	Đạt	
163	BKCB9327	Lê Tấn	Tài	14/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
164	BKCB9328	Phan Minh	Thuận	14/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
165	BKCB9329	Ngô Trí	Thức	12/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	7,67	Đạt	
166	BKCB9330	Hồ Quốc	Toàn	05/08/2006	Gia lai	4,33	0,0	Không đạt	
167	BKCB9331	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	03/10/2011	Tiền Giang	8,33	6,33	Đạt	
168	BKCB9332	Trần Huỳnh Quế	Trân	11/12/2003	Bến Tre	10,0	5,33	Đạt	
169	BKCB9333	Lê Minh	Trí	27/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,17	Đạt	
170	BKCB9334	Huỳnh Thị Diệp	Trình	26/02/2006	Long An				Vắng
171	BKCB9335	Trần Hoàng	Trung	24/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	6,5	Đạt	
172	BKCB9336	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	11/11/2006	Long An	9,33	6,33	Đạt	
173	BKCB9337	Phạm Khánh	Tú	10/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,0	Đạt	
174	BKCB9338	Trần Thị Bích	Tuyền	21/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,0	Đạt	
175	BKCB9339	Uông Thị Ánh	Tuyết	26/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,0	Đạt	
176	BKCB9340	Lý Thảo	Uyên	15/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,0	Đạt	
177	BKCB9341	Nguyễn Phương	Uyên	08/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,67	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh:
177

Số lượng hiện diện:
157

Số thí sinh đạt:
146

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam